**Bảng so sánh các phiên bản Dự thảo Luật SDNLTK&HQ**

| **TT** | **Luật SDNLTK&HQ năm 2010** | **Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SDNLTK&HQ, bản tiếp thu, giải trình ý kiến UBTVQH, UBKHCNMT, Báo cáo 308/BC-CP (Dự thảo 6)** | **Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SDNLTK&HQ, bản tiếp thu, giải trình ý kiến ĐBQH (Dự thảo trình UBTVQH)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Điều 3.** Giải thích từ ngữ  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Năng lượng* bao gồm nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng thu được trực tiếp hoặc thông qua chế biến từ các nguồn tài nguyên năng lượng không tái tạo và tái tạo.  2. *Tài nguyên năng lượng không tái tạo* gồm than đá, khí than, dầu mỏ, khí thiên nhiên, quặng urani và các tài nguyên năng lượng khác không có khả năng tái tạo.  3. *Tài nguyên năng lượng tái tạo* gồm sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học và các tài nguyên năng lượng khác có khả năng tái tạo.  4. *Nhiên liệu* là các dạng vật chất được sử dụng trực tiếp hoặc qua chế biến để làm chất đốt.  5. *Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả* là việc áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm tổn thất, giảm mức tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị mà vẫn bảo đảm nhu cầu, mục tiêu đặt ra đối với quá trình sản xuất và đời sống.  6. *Kiểm toán năng lượng* là hoạt động đo lường, phân tích, tính toán, đánh giá để xác định mức tiêu thụ năng lượng, tiềm năng tiết kiệm năng lượng và đề xuất giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với cơ sở sử dụng năng lượng.  7. *Nhãn năng lượng* là nhãn cung cấp thông tin về loại năng lượng sử dụng, mức tiêu thụ năng lượng, hiệu suất năng lượng và các thông tin khác giúp người tiêu dùng nhận biết và lựa chọn phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.  8. *Dán nhãn năng lượng* là việc dán, gắn, in, khắc nhãn năng lượng lên sản phẩm, bao bì.  9. *Hiệu suất năng lượng* là chỉ số biểu thị khả năng của phương tiện, thiết bị chuyển hoá năng lượng sử dụng thành năng lượng hữu ích. | **Điều 1**. **Sửa đổi, bổ sung Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.**  1. Sửa đổi khoản 11 và bổ sung khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 3 như sau: | **Điều 1**. **Sửa đổi, bổ sung Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.**  1. Sửa đổi khoản 10, khoản 11 và bổ sung khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 3 như sau: |
|  | 10. *Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu* là mức hiệu suất năng lượng thấp nhất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng mà dưới mức đó, thiết bị sẽ chịu sự quản lý đặc biệt. |  | 10. *Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu,* **mức hiệu suất năng lượng cao** là mức hiệu suất năng lượng ~~thấp nhất~~ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng ~~mà dưới mức đó, thiết bị sẽ chịu sự quản lý đặc biệt~~ **theo từng thời kỳ**. |
|  | 11. *Sản phẩm tiết kiệm năng lượng* là phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu có tính cách nhiệt tốt phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. | “11. *Phương tiện, thiết bị, sản phẩm tiết kiệm năng lượng* bao gồm phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu xây dựng có tính cách nhiệt tốt phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. | 11. *~~Phương tiện, thiết bị,~~* ***S****ản phẩm tiết kiệm năng lượng* bao gồm phương tiện, thiết bị, **sản phẩm** có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu xây dựng có tính cách nhiệt tốt, **giúp giảm tiêu thụ năng lượng**, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. |
|  |  | 12. *Công ty dịch vụ năng lượng* là công ty cung cấp các dịch vụ và giải pháp toàn diện, hoặc thực hiện các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả dựa trên các Hợp đồng hiệu quả năng lượng, với hình thức đầu tư, kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư. | 12. *Công ty dịch vụ năng lượng* là công ty cung cấp các dịch vụ và giải pháp toàn diện, hoặc thực hiện các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả dựa trên các Hợp đồng hiệu quả năng lượng. **Hoạt động đầu tư kinh doanh của công ty được thực hiện theo pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.** ~~với hình thức đầu tư, kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.~~ |
|  |  | 13. *Hợp đồng hiệu quả năng lượng* được hình thành giữa khách hàng và một công ty dịch vụ năng lượng, làm cơ sở để khách hàng thanh toán cho công ty dịch vụ năng lượng khi thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 13. *Hợp đồng hiệu quả năng lượng* được hình thành giữa khách hàng và một **tổ chức,** công ty dịch vụ năng lượng, làm cơ sở để khách hàng thanh toán cho công ty dịch vụ năng lượng khi thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |
|  |  | 14. *Chứng chỉ quản lý năng lượng* là chứng chỉ do Bộ Công Thương cấp cho người tham gia và đạt kết quả trong khóa đào tạo cho người quản lý năng lượng.” | 14. *Chứng chỉ quản lý năng lượng* là chứng chỉ do Bộ Công Thương cấp cho người tham gia và đạt kết quả trong khóa đào tạo cho người quản lý năng lượng.” |
| **2** | **Điều 5.** Chính sách của Nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  1. Áp dụng thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là một trong những ưu tiên hàng đầu.  2. Hỗ trợ tài chính, giá năng lượng và các chính sách ưu đãi cần thiết khác để thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 2. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau: | 2. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau: |
|  | 3. Tăng đầu tư, áp dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. | “3. Tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với bối cảnh quốc tế và tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường chính sách kiểm soát đối với những ngành, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên. | “3. Tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, **áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng tiên tiến** về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp ~~với bối cảnh quốc tế và tiềm năng,~~ điều kiện **kinh tế - xã hội** của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường ~~chính sách~~ **các biện pháp** kiểm soát đối với những ngành, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên. |
|  | 4. Khuyến khích sử dụng phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng; thực hiện lộ trình áp dụng nhãn năng lượng; từng bước loại bỏ phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, hiệu suất năng lượng thấp. |  |  |
|  | 5. Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn; đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 5. Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng. Đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và hoạt động đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, lực lượng kiểm toán viên năng lượng và cán bộ quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước. | 5. Khuyến khích**, hỗ trợ** phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng. Đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, **nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời,** ~~giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và hoạt động~~ **tổ chức các chương trình** đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, ~~lực lượng~~ **đặc biệt là** kiểm toán viên năng lượng và ~~cán bộ~~ **người** quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng **trọng điểm**. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước, **hoặc các tổ chức cung cấp năng lượng do nhà nước quản lý hoặc ủy quyền**. |
|  |  | 6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.” | 6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và của các tỉnh, thành phố ~~trực thuộc trung ương~~ **và các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.** **Các tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm.”** |
| **3** | **Điều 6.** Chiến lược, quy hoạch, chương trình sử dụng năng lượng  1. Chiến lược, quy hoạch, chương trình sử dụng năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Cung cấp năng lượng ổn định, an toàn; sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng;  b) Dự báo cung, cầu năng lượng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp hài hòa, cân đối giữa các quy hoạch ngành than, dầu khí, điện lực và các quy hoạch năng lượng khác;  c) Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên phát triển hợp lý công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo;  d) Xây dựng và thực hiện lộ trình chế tạo phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng.  2. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng và thực hiệnchiến lược, quy hoạch, chương trình sử dụng năng lượng. | 3. Bổ sung khoản 3, Điều 6 như sau:  “3. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa hoặc các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.” | 3. Bổ sung khoản ~~3~~**1a**, Điều 6 như sau:  “~~3~~**1a**. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, ~~và~~ nguồn vốn xã hội hóa ~~hoặc~~ **và** các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.” |
| **4** | **Điều 7.** Thống kê về sử dụng năng lượng  Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thống kê trình Chính phủ ban hành các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của Luật này và pháp luật về thống kê. | 4. Sửa đổi Điều 7 như sau:  “Các quy định về thống kê trong lĩnh vực năng lượng được thực hiện theo pháp luật về thống kê” | 4. Sửa đổi Điều 7 như sau:  “Các quy định về thống kê trong lĩnh vực năng lượng được thực hiện theo pháp luật về thống kê” |
| **5** | **Điều 9.** Trách nhiệm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sản xuất công nghiệp  1. Cơ sở sản xuất công nghiệp gồm cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hoá; cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị; cơ sở khai thác mỏ; cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng.  2. Cơ sở sản xuất công nghiệp có trách nhiệm:  a) Xây dựng, thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm; lồng ghép chương trình quản lý năng lượng với các chương trình quản lý chất lượng, chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình bảo vệ môi trường của cơ sở;  b) Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; lựa chọn áp dụng quy trình và mô hình quản lý sản xuất tiên tiến, biện pháp công nghệ phù hợp và thiết bị công nghệ có hiệu suất năng lượng cao; sử dụng các dạng năng lượng thay thế có hiệu quả cao hơn trong dây chuyền sản xuất;  c) Áp dụng biện pháp kỹ thuật, kiến trúc nhà xưởng nhằm sử dụng tối đa hiệu quả hệ thống chiếu sáng, thông gió, làm mát; sử dụng tối đa ánh sáng, thông gió tự nhiên;  d) Thực hiện quy trình vận hành, chế độ duy tu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị trong dây chuyền sản xuất để chống tổn thất năng lượng;  đ) Loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. | 5. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau: | 5. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau: |
|  | 3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp. | “3. Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp, trừ các ngành tại khoản 4 Điều này. | “3. Bộ Công Thương ban hành ~~quy chuẩn kỹ thuật quốc gia,~~ định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp, trừ các ngành tại khoản 4 Điều này. |
|  |  | 4. Bộ Xây dựng ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.” | 4. Bộ Xây dựng ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.” |
| **6** | **Điều 13.** Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng  1. Cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý sau đây:  a) Lựa chọn công nghệ có hiệu suất năng lượng cao; lắp đặt đầy đủ thiết bị đo lường, kiểm tra thông số vận hành; định kỳ tổ chức hiệu chỉnh, bảo trì lò, máy và thiết bị phụ trợ trong nhà máy phát điện để bảo đảm hiệu suất chung của nhà máy đạt hiệu suất thiết kế;  b) Tận dụng nhiệt thải, hơi nước thải có nhiệt độ cao để cung cấp cho quá trình cháy, sấy nhiên liệu, làm nóng nước cấp vào lò nhằm nâng cao hiệu suất phát điện của tổ máy;  c) Cơ sở phát điện phải tuân thủ phương thức huy động của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm điện tự dùng; | 6. Sửa đổi điểm đ, điểm g khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau: | 6. Sửa đổi điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau: |
|  | d) Nhà máy thuỷ điện phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành khai thác hồ chứa hoặc liên hồ chứa, bảo đảm yêu cầu phát điện an toàn, tham gia nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho sản xuất và đời sống; |  | “d) Nhà máy thuỷ điện phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành khai thác hồ chứa hoặc liên hồ chứa **đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt**, bảo đảm yêu cầu phát điện an toàn, tham gia nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho sản xuất và đời sống, **đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả**. |
|  | đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối điện; | “đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện; | đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện; |
|  | e) Đơn vị khai thác, cung ứng nhiên liệu phải sử dụng kho chứa, phương tiện vận chuyển an toàn, phù hợp, giảm thất thoát, phòng ngừa gây ô nhiễm môi trường, lãng phí năng lượng; |  |  |
|  | g) Đơn vị khai thác than, dầu khí phải có phương án tận thu khí đồng hành và tài nguyên năng lượng khác. | g) Đơn vị khai thác, vận chuyển, phân phối than, dầu khí phải thực hiện đánh giá phương án tận thu khí đồng hành và tài nguyên năng lượng khác. Định kỳ tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than. Tăng cường kiểm soát tổn thất, hao hụt xăng dầu, than trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối, tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp. | g) Đơn vị khai thác, vận chuyển, phân phối than, dầu khí phải thực hiện đánh giá phương án ~~tận thu khí đồng hành và~~ **thu hồi và sử dụng hiệu quả về** tài nguyên năng lượng ~~khác~~, **khí phát sinh trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối và tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp.** Định kỳ **không quá năm năm** tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than. ~~Tăng cường kiểm soát tổn thất, hao hụt xăng dầu, than trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối, tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp.~~ |
|  | 2. Không xây dựng mới tổ máy phát điện bằng than, dầu, khí có công nghệ lạc hậu, hiệu suất thấp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. |  |  |
|  |  | 3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng xây dựng và ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở.” | 3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng xây dựng và ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở.” |
| **7** | **Điều 18.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng  1. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật, quy định về chiếu sáng công cộng bảo đảm yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  2. Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng trong chiếu sáng công cộng.  3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền được phân cấp. | 7. Sửa đổi khoản 3 Điều 18 như sau:  “3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền được phân cấp.” | 7. Sửa đổi khoản 3 Điều 18 như sau:  “3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền được phân cấp.” |
| **8** | **Điều 21.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải  1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm: | 8. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:  “1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:” | 8. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:  “1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:” |
| **9** | **Điều 25.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp  1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: | 9. Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:  “1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:” | 9. Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:  “1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:” |
| **10** | **Điều 30.** Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước  1. Hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm mục tiêu, biện pháp, định mức về sử dụng năng lượng đối với trụ sở làm việc, công trình xây dựng trực thuộc và báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng; xây dựng và thực hiện Quy chế tiết kiệm năng lượng nội bộ, bảo đảm vận hành phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.  2. Cơ quan, đơn vị có cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện kiểm toán năng lượng.  3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm; thông báo danh sách cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được khen thưởng hoặc bị xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:  “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.” | 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:  “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.” |
| **11** | **Điều 32.** Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm  Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ.  Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hằng năm. | 11. Sửa đổi Điều 32 như sau:  “Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ.  Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm một năm một lần và gửi Bộ Công Thương tổng hợp.” | 11. Sửa đổi Điều 32 như sau:  “Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ.  Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh** ~~các tỉnh, thành phố~~ xây dựng, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm một năm một lần và gửi Bộ Công Thương tổng hợp.” |
| **12** | **Điều 33.** Trách nhiệm của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm  1. Ngoài việc thực hiện các quy định tại Luật này đối với lĩnh vực hoạt động có liên quan, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm còn có trách nhiệm:  a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch hằng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  b) Xây dựng chế độ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  c) Chỉ định người quản lý năng lượng theo quy định tại Điều 35 của Luật này;  d) Ba năm một lần thực hiện việc kiểm toán năng lượng bắt buộc; | 12. Sửa đổi điểm đ khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau: | 12. Sửa đổi điểm đ khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau: |
|  | đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; | “đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo quy định của Bộ Công Thương. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm, đảm bảo tính chính xác của hệ thống đo đếm nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở;” | “đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo quy định của Bộ Công Thương. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm **đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật**, ~~đảm~~ bảo **đảm** tính chính xác **của số liệu** ~~của hệ thống đo đếm~~ nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở;” |
|  | e) Thực hiện quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở. |  |  |
|  | 2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm; quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm. | 2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.” | 2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.” |
| **13** | **Điều 34.** Kiểm toán năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm  1. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng bằng hình thức tự kiểm toán hoặc thuê tổ chức kiểm toán năng lượng thực hiện.  2. Tổ chức kiểm toán năng lượng phải có đủ các điều kiện sau đây:  a) Là pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật;  b) Có đội ngũ kiểm toán viên năng lượng được cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng;  c) Có phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm toán năng lượng.  3. Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tự thực hiện chế độ kiểm toán năng lượng khi có đủ các điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này. | 13. Sửa đổi khoản 4 Điều 34 như sau: | 13. Sửa đổi khoản 4 Điều 34 như sau: |
|  | 4. Bộ Công Thương quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng. | “4. Bộ Công Thương quy định kỹ thuật thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thời hạn, thu hồi đăng ký hoạt động của cơ sở kiểm toán năng lượng.” | “4. Bộ Công Thương quy định kỹ thuật thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, **kiểm tra giám sát,** thẩm quyền cấp, công nhận, ~~thời hạn,~~ thu hồi ~~đăng ký hoạt động của cơ sở kiểm toán năng lượng.~~ **chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng do đơn vị đào tạo cấp.**” |
| **14** | **Điều 35.** Điều kiện, nhiệm vụ củangười quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm  1. Người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải có đủ các điều kiện sau đây:  a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành năng lượng hoặc ngành kỹ thuật liên quan đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hoạt động dịch vụ; có bằng tốt nghiệp từ trung cấp kỹ thuật liên quan trở lên đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải;  b) Có chứng chỉ quản lý năng lượng do cơ quan có thẩm quyền cấp.  2. Người quản lý năng lượng có trách nhiệm giúp người đứng đầu cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện các nhiệm vụ sau:  a) Xây dựng kế hoạch hằng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  b) Tổ chức mạng lưới quản lý hoạt động sử dụng năng lượng, áp dụng mô hình quản lý năng lượng;  c) Thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo mục tiêu và kế hoạch đã được phê duyệt; | 14. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 35 như sau: | 14. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 35 như sau: |
|  | d) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; | “d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng. | “d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng. |
|  | đ) Theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thiết bị và toàn bộ dây chuyền sản xuất; sự biến động của nhu cầu tiêu thụ năng lượng liên quan đến việc lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; |  |  |
|  | e) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn trong hoạt động sử dụng năng lượng. |  |  |
|  | 3. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận chứng chỉ quản lý năng lượng. | 3. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng.” | 3. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, **kiểm tra giám sát,** thẩm quyền, **ủy quyền** cấp; công nhận, cấp lại, thu hồi, thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng. **Công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo và công bố tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý.**” |
| **15** | **Điều 37.** Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị  Nhà nước áp dụng các biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau đây đối với phương tiện, thiết bị:  1. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu của phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng; | 15. Sửa đổi tên Chương IX, Điều 37 và khoản 2, khoản 3 Điều 37 như sau:  “Chương IX. Quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng.  Điều 37. Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng. | 15. Sửa đổi tên Chương IX, Điều 37 và khoản 2, khoản 3 Điều 37 như sau:  “Chương IX. Quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng.  Điều 37. Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng. |
|  | 2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng; | 2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng. | 2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng. |
|  | 3. Công khai thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị; | 3. Công khai thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.” | 3. Công ~~khai~~ **bố** thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.” |
|  | 4. Loại bỏ phương tiện, thiết bị dưới mức hiệu suất năng lượng tối thiểu; |  |  |
|  | 5. Xử lý các hành vi vi phạm quy định tại Điều này. |  |  |
| **16** | **Điều 39.** Dán nhãn năng lượng  1. Phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường. | 16. Sửa đổi khoản 1, khoản 3, điểm a, điểm d khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 39 như sau:  “1. Phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng thuộc danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường. | 16. Sửa đổi khoản 1, khoản **2** ~~3~~, ~~điểm a, điểm d~~ khoản 3, ~~khoản 4,~~ và bổ sung khoản ~~5~~**4** Điều 39 như sau:  “1. Phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng thuộc danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường. |
|  | 2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị thực hiện việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng. | ***Bãi bỏ điểm này*** |  |
|  | 3. Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng được cấp sau khi phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tại phòng thử nghiệm. | 3. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, bao gồm cả trên nền tảng thương mại điện tử, các phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sau khi phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng đã được thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về đo lường. | ~~3~~**2**. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, bao gồm cả trên nền tảng thương mại điện tử, các phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sau khi phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng đã được thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về đo lường. |
|  | 4. Bộ Công Thương có trách nhiệm:  a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện;  b) Quy định nội dung, quy cách nhãn năng lượng;  c) Quy định phòng thử nghiệm có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng;  d) Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị;  đ) Quy định việc công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu. | 4. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:  a) Xây dựng, ban hành danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ;  d) Hướng dẫn công bố dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ; | ~~4~~**3**. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:  a) Xây dựng, ban hành danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ;  d) Hướng dẫn**,** công bố **việc** dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ; |
|  |  | 5. Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch hàng năm tổ chức triển khai kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, phân phối trên địa bàn.” | ~~5~~**4**. Uỷ ban nhân dân **cấp tỉnh**~~các tỉnh, thành phố~~ ~~trực thuộc trung ương~~ xây dựng kế hoạch hằng năm tổ chức triển khai **thanh tra**, kiểm tra ~~giám sát~~ việc tuân thủ các quy định của pháp luật về **dán nhãn năng lượng** ~~quản lý~~ phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, **vật liệu xây dựng** trong sản xuất, kinh doanh, phân phối trên địa bàn.” |
| **17** | **Điều 41.** Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  1. Dự án thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 17. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 41 như sau: | 17. Sửa đổi, **bổ sung** khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 41 như sau: |
|  | 2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng được ưu đãi, hỗ trợ như sau:  a) Các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;  b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;  c) Được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng phát triển, Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. | “2. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:  a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.  b) Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính, được ưu đãi, hỗ trợ như sau:  a) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế;  b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;  c) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ từ các quỹ: Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan. | “2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính, được ưu đãi, hỗ trợ như sau:  a) Ưu đãi về **thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu,** thuế thu nhập doanh nghiệp **và các loại thuế** theo quy định của pháp luật về thuế **phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ;**  b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;  c) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ từ các quỹ: Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan.  **đ) Hỗ trợ hoạt động kỹ thuật bao gồm: kiểm toán, nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chuyên gia kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng.** |
|  | 3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế. | 3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, hydrogen, nhiên liệu tổng hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế. | 3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, hydrogen, nhiên liệu tổng hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được ~~miễn thuế nhập khẩu~~ **hưởng ưu đãi về thuế** theo quy định của pháp luật về thuế **phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ.** |
|  |  | 4. Chính phủ quy định việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang các công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua các cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh. | 4. Chính phủ quy định việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang các công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang **sản xuất các** sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua các cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh. |
|  |  | 5. Chính phủ xây dựng các cơ chế khuyến khích, giải pháp thúc đẩy ứng dụng các quá trình chuyển đổi phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong công nghệ tiết kiệm và hiệu quả năng lượng.” | 5. Chính phủ xây dựng các cơ chế khuyến khích, giải pháp **hỗ trợ** thúc đẩy ứng dụng các quá trình chuyển đổi phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong ~~công nghệ~~ **lĩnh vực sử dụng năng lượng** tiết kiệm và hiệu quả ~~năng lượng~~.” |
| **18** |  |  | **18. Bổ sung Điều 41a như sau:**  **“Điều 41a.** **Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**  **1. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.**  **2. Quỹ được hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn cả nước.**  **3.** **Quỹ có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và các quy định của pháp luật hiện hành.**  ~~a)~~ **4**. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.  ~~b)~~ **5**. Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.” |
| **19** | **Điều 43.** Tuyên truyền, giáo dục, phát triển dịch vụ tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sau đây:  1. Tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức, thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  2. Lồng ghép nội dung giáo dục về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong nhà trường với hình thức phù hợp; | 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm d khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 43 như sau: | 1**9**~~8~~. Sửa đổi, bổ sung khoản 3**, điểm c,** điểm d, **điểm g** khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 43 như sau: |
|  | 3. Tổ chức dịch vụ tư vấn năng lượng để thực hiện các hoạt động sau đây:  a) Kiểm toán năng lượng;  b) Chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện với môi trường;  c) Đào tạo, tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng tiên tiến;  d) Tư vấn thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng;  đ) Cung cấp thông tin, quảng bá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;  e) Các dịch vụ khác về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | “3. Tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng để thực hiện các hoạt động sau đây:  d) Tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng; | “3. Tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng ~~để~~ thực hiện các hoạt động sau đây:  **c) Đào tạo kiểm toán năng lượng,** tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng tiên tiến;  d) Tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng **thực hiện hợp đồng hiệu quả năng lượng** đối với cơ sở sử dụng năng lượng;  **g) Thực hiện thông báo hoạt động đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.** |
|  |  | 4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ. | 4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ; |
|  |  | 5. Chính phủ xây dựng các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích để hình thành hệ thống các tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng. | 5. Chính phủ xây dựng các cơ chế hỗ trợ, ~~và~~ khuyến khích để hình thành hệ thống các tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng, ~~và quy định về chuyên môn tiêu chuẩn nghiệp vụ, hành nghề đối với tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng,~~ **hướng dẫn triển khai hợp đồng hiệu quả năng lượng;** |
|  |  | 6. Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng.” | 6. Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng; **hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật, biểu mẫu thông báo đối với tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng. Công khai danh sách tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng và công bố tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý**.” |
| **20** | **Điều 46.** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.  2. Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  3. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật. | 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 46 như sau:  “1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi kế hoạch năm năm và báo cáo hàng năm về Bộ Công Thương để tổng hợp.  3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng năm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật.  4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và trong từng giai đoạn năm năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.” | **20**~~19~~. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 46 như sau:  “1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ~~gắn~~ **phù hợp** với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi kế hoạch năm năm và báo cáo h**ằ**ng năm về Bộ Công Thương để tổng hợp.  3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ h**ằ**ng năm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật.  4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả h**ằ**ng năm và trong từng giai đoạn năm năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.” |
| **21** | **Điều 30.** Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước  3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm; thông báo danh sách cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được khen thưởng hoặc bị xử lý vi phạm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 20. Bãi bỏ khoản 3 Điều 30. | ~~20. Bãi bỏ khoản 3 Điều 30.~~ |
| **22** | **Điều 39.** Dán nhãn năng lượng  2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị thực hiện việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng. | 21. Bãi bỏ khoản 2 Điều 39. | ~~21. Bãi bỏ khoản 2 Điều 39.~~ |
| **23** |  | **Điều 2**. **Hiệu lực thi hành**  Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm ... | **Điều 2**. **Hiệu lực thi hành**  Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày **01** tháng **01** năm **2026**. |
| **24** |  | **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**  1. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đến ngày … tháng … năm …  2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hai năm một lần được thực hiện kể từ ngày … tháng … năm … | **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**  ~~1. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đến ngày … tháng … năm ….~~  ~~2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm … hai năm một lần được thực hiện kể từ ngày … tháng … năm ….~~  **Chứng chỉ Quản lý năng lượng được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.** |